

Bản án số: 23/2019/HS-ST
Ngày: 30-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lý.
2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1994 tại tỉnh B; hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã P, huyện G, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Tha L1, sinh năm 1959; bị cáo có vợ là Thạch Thị C, sinh năm 1991, có 01 con sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 20/11/2010, bị Công an xã P, huyện G, tỉnh B xử phạt 740.000 đồng và ngày 22/12/2010, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh B quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 06 tháng về hành vi: “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 25/01/2011, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh B quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng về hành vi: “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong ngày 01/10/2012;

- Ngày 21/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B xử phạt 01 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 34/2013/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/4/2014, chấp hành xong án phí ngày 16/12/2013;

- Ngày 27/4/2015, bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B xử phạt 01 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 22/2015/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/01/2016, chấp hành xong án phí ngày 11/8/2015.

Bị bắt tạm giam từ ngày 15/10/2018. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Lê Thị Kim A, sinh năm 2000; hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh A, vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Lê Văn Q, sinh năm 1969; hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định. Do không có tiền tiêu xài nên vào lúc 01 giờ, ngày 25/9/2018, L đi bộ từ nhà trọ PH thuộc khu phố 4, phường M, thị xã B tìm tài sản sơ hở để chiếm đoạt. Khi đi ngang qua nhà trọ UH thuộc khu phố 4, phường M, thị xã B, nhìn thấy một phòng trọ còn mở đèn và không khóa cửa, L quan sát xung quanh thấy không có người nên lén lút đi vào phòng trọ để tìm tài sản. L thấy ông Lê Văn Q đang nằm ngủ trong phòng. Trên gác của phòng trọ có 01 điện thoại di động hiệu Samsung A6+ màu xanh của chị Lê Thị Kim A đang cắm sạc pin. L lén lút leo lên cầu thang rút điện thoại ra khỏi dây sạc và đi xuống. Lúc này, ông Q thức giấc, phát hiện nên tri hô. L hoảng sợ, bỏ điện thoại vào túi quần rồi chạy ra ngoài. Ông Q đuổi theo và cùng người dân bắt giữ L giao cho công an phường M xử lý.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A6+ màu xanh.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai và chứng cứ phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và vật chứng thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Ngày 27/9/2018, Hội đồng Định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã B xác định: 01 điện thoại di động hiệu Samsung A6+ màu xanh, đã qua sử dụng trị giá: 8.300.000 đồng.

Ngày 15/10/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã xử lý vật chứng, giao trả 01 điện thoại di động hiệu Samsung A6+ màu xanh cho chị Lê Thị Kim A. Chị Kim A đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 28/CT-VKSBC ngày 10/01/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội: “Trộm cắp tài sản”

theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B trong phần tranh luận tại phiên tòa, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L mức án từ 08 (tám) tháng đến 10 (mười) tháng tù.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi đúng như nội dung Cáo trạng truy tố, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Lê Thị Kim A vắng mặt tại phiên tòa, theo lời khai trong hồ sơ vụ án: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn L đã khai nhận: Vào lúc 01 giờ, ngày 25/9/2018, bị cáo đi đến nhà trọ tại khu phố 4, phường M, thị xã B. Lợi dụng bị hại ngủ say, không đóng cửa phòng trọ, bị cáo đã có hành vi lén lút vào phòng trọ, leo lên gác lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung A6+ màu xanh của bị hại Kim A nhằm mục đích chiếm đoạt để bán lấy tiền tiêu xài. Khi bị cáo vừa leo xuống thì bị ông Lê Văn Q phát hiện tri hô. Bị cáo hoảng sợ bỏ điện thoại vào túi quần và bỏ chạy thì bị bắt giữ.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Xét bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng vì động cơ tư lợi, bản chất tham lam, lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài mà không phải tốn công sức lao động nên bị cáo cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả, thể hiện ý thức liều lĩnh và xem thường pháp luật.

Tài sản bị cáo chiếm đoạt là 01 điện thoại di động hiệu Samsung A6+ màu xanh, đã qua sử dụng trị giá: 8.300.000 đồng của bị hại Lê Thị Kim A. Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang lo sợ cho quần chúng nhân dân.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Như vậy, bản Cáo trạng số 28/CT-VKSBC ngày 10/01/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại; bị cáo có ông ngoại là người có công với cách mạng theo quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về nhân thân:

- Ngày 20/11/2010, bị Công an xã P, huyện G, tỉnh B xử phạt 740.000 đồng và ngày 22/12/2010, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh B quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã thời hạn 06 tháng về hành vi: “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 25/01/2011, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh B quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng về hành vi: “Trộm cắp tài sản”, đã chấp hành xong ngày 01/10/2012.

- Ngày 21/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B xử phạt 01 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 34/2013/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 16/4/2014, chấp hành xong án phí ngày 16/12/2013.

- Ngày 27/4/2015, bị Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B xử phạt 01 năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 22/2015/HSST, đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/01/2016, chấp hành xong án phí ngày 11/8/2015.

Do đó, Hội đồng xét xử cần xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về tội danh và mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị Kim A đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung A6+ màu xanh, đã qua sử dụng là tài sản hợp pháp của bị hại. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã giao trả lại tài sản trên cho bị hại là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 136, Điều 260, khoản 1 Điều 268, Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh và mức hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 10 (mười) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 15/10/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Duyên